

# **Nghệ thuật Căng da mặt bằng chỉ ở người châu Á**



Cuốn sách: “ **Nghệ thuật căng da mặt bằng chỉ ở người châu Á**” được chuyển ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt từ cuốn “**The Art and science of thread Lifting**” của tác giả **Bongcheol Kim cùng cộng sự** bởi Ths.Bs Đinh Công Phúc cùng sự hỗ trợ nhóm E-bacsy.

Đây là cuốn sách thứ tư nằm trong nhóm dự án “**Thư viện sách thẩm mỹ Tiếng Việt**” của nhóm, tiếp sau cuốn sách “**Phẫu thuật tạo hình mí mắt người châu Á**” và cuốn “ **Phẫu thuật tạo hình mũi người châu Á**” và cuốn “ **Video Atlas phẫu thuật nâng vú**”. Bản quyền cuốn sách thuộc về nhà xuất bản Springer và bản quyền dịch thuộc về bác sỹ Đinh Công Phúc cùng nhóm E-bacsy.

Với mục tiêu giới thiệu những cuốn sách thẩm mỹ nổi tiếng trên thế giới, vừa đảm bảo nội hàm kiến thức chuyên môn cao vừa có giá trị áp dụng trên lâm sàng, chúng tôi đã nỗ lực hết mình trong quá trình tìm kiếm, lựa chọn đầu sách, đồng thời chuyển ngữ bám sát nội dung sách gốc với cách diễn đạt dễ hiểu nhất. Tuy vậy cũng không tránh khỏi sai sót trong quá trình biên soạn. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ độc giả và quý đồng nghiệp để nhóm tiếp tục hoàn thiện hơn trong những lần sau và trong những tác phẩm sắp tới.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi vào địa chỉ mail: [drphucqn@gmail.com](mailto:drphucqn@gmail.com)

Fanpage: <https://www.facebook.com/yhocvn2/>

Website: [E-bacsy.com](http://E-bacsy.com)

Chân thành cảm ơn sự ủng hộ của quý đồng nghiệp

Thay mặt nhóm dịch E-bacsy.

**Ths. Bs Đinh Công Phúc**





---

# Mục Lục

## Phần 1: Tại sao kỹ thuật sửa chữa lại quan trọng?

<b>1</b>	<b>Định nghĩa Thuật Ngữ</b> . . . . .	2
1.1	Điểm cố định . . . . .	2
1.2	Hướng . . . . .	2
1.3	Điểm treo . . . . .	3
<b>2</b>	<b>Tầm quan trọng của điểm cố định</b> . . . . .	5
<b>3</b>	<b>Hình thành điểm cố định trong kỹ thuật nâng chỉ là gì?</b> . . . . .	8
3.1	Phương pháp tạo điểm cố định . . . . .	8

## Phần II Giải phẫu vùng mặt cho nâng chỉ không phẫu thuật

<b>4</b>	<b>Giải phẫu cho nâng chỉ tự tiêu</b> . . . . .	16
4.1	Các lớp của mặt . . . . .	16
4.1.1	Da . . . . .	16
4.1.2	Lớp mỡ nông . . . . .	16
4.1.3	Lớp cân - cơ/ SMAS . . . . .	16
4.1.4	Lớp mỡ sâu . . . . .	17
4.1.5	Cân sâu . . . . .	17
4.2	Các lớp của vùng trung tâm trên xác . . . . .	22
4.3	Cấu trúc giải phẫu có thể bị ảnh hưởng trong quá trình nâng chỉ . . . . .	25
4.3.1	Mạch máu . . . . .	25
4.3.2	Dây thần kinh . . . . .	28
4.3.3	Ống tuyến mang tai . . . . .	28
<b>5</b>	<b>Cần tránh những mạch máu khi nâng chỉ</b> . . . . .	35
5.1	Nâng chỉ và mạch máu . . . . .	35
5.2	Động mạch thái dương nông . . . . .	35
5.3	Động mạch ngang mặt . . . . .	37
<b>6</b>	<b>Tránh tổn thương thần kinh trong khi nâng chỉ</b> . . . . .	38
6.1	Tổn thương thần kinh mặt . . . . .	38
6.2	Thần kinh mặt nằm trong vùng cung xương gò má . . . . .	38
6.3	Kỹ thuật giảm tổn thương thần kinh . . . . .	39

### Phần III: Tại sao phải véo da giải phẫu?

<b>7</b>	<b>Véo da giải phẫu là gì ?</b> .....	43
<b>8</b>	<b>Tại sao véo da giải phẫu là quan trọng ?</b> .....	44
<b>9</b>	<b>Phương pháp nghiên cứu giải phẫu véo da</b> .....	45
9.1	Phương pháp nghiên cứu.....	45
9.2	Kết quả.....	45
<b>10</b>	<b>Giải phẫu véo da cho từng vùng</b> .....	47
10.1	Giải phẫu véo da: Vùng thái dương bên trong đường chân tóc .....	47
10.2	Giải phẫu véo da: Vùng thái dương .....	51
10.3	Giải phẫu véo da: Vùng gò má .....	52
10.4	Giải phẫu véo da: Vùng dưới cung xương gò má .....	56
10.5	Giải phẫu véo da: Vùng má .....	56
10.6	Giải phẫu véo da: Vùng dưới má .....	57
<b>11</b>	<b>Tóm tắt giải phẫu véo da</b> .....	59
11.1	Giải phẫu véo da ở vùng nào là quan trọng .....	57
11.1.1	Vùng thái dương nằm trong chân tóc .....	59
11.1.2	Vùng cung gò má .....	60

### Phần IV: Hiểu rõ chỉ tiêu

<b>12</b>	<b>Sự phát triển của nâng chỉ tiêu</b> .....	66
12.1	Xu hướng nâng chỉ .....	66
12.1.1	Phân biệt chỉ .....	66
12.1.2	Xu hướng hiện tại .....	69
<b>13</b>	<b>Hiểu rõ chỉ PDO</b> .....	71
13.1	Đặc điểm vật lý của chỉ PDO .....	71
13.2	Chức năng của chỉ PDO .....	71
13.3	Thay đổi mô sau khi đặt chỉ PDO .....	71
13.4	Phát hiện mô học sau khi đặt chỉ PDO .....	71
<b>14</b>	<b>Hiểu rõ về chỉ PLLA</b> .....	74
14.1	PLLA là dạng chỉ khâu .....	74
<b>15</b>	<b>Các loại chỉ tiêu</b> .....	75
15.1	QT Lift (= VOV Lift, = BLUE ROSE® FORTE) .....	73
15.1.1	Đặc điểm .....	75
15.1.2	Ưu điểm đã xác định bởi các tác giả .....	75
15.2	Silhouette Soft® .....	77
15.2.1	Đặc điểm .....	77
15.2.2	Ưu điểm đã xác định bởi các tác giả .....	77
15.3	N-Cog Lift .....	79
15.3.1	Đặc điểm .....	79
15.3.2	Ưu điểm đã xác định bởi các tác giả .....	79

**Phần V: Kỹ thuật cơ bản**

<b>16</b>	<b>Thiết kế và lựa chọn bệnh nhân</b> .....	82
16.1	Tìm vector (Mô phỏng) .....	81
16.2	Đánh dấu đường tham khảo .....	83
16.3	Khu vực nguy hiểm .....	85
<b>17</b>	<b>Gây tê</b> .....	87
17.1	Gây tê bằng thuốc tê nha khoa .....	87
17.1.1	Gây tê bằng thuốc tê nha khoa .....	87
17.2	Gây tê bằng Cannulas .....	87
17.2.1	Gây tê bằng Cannulas (dung dịch Tumescent hoặc Lidocaine) .....	87
<b>18</b>	<b>Điểm vào</b> .....	90
18.1	Vị trí điểm vào .....	90
18.2	Số lượng điểm vào .....	91
18.3	Lựa chọn dụng cụ điểm vào .....	91
18.4	Lưu ý khi thực hiện Điểm vào: Chảy máu (Động mạch và tĩnh thái dương nông) .....	91
18.5	Trải săng vô trùng ở chân tóc .....	93
<b>19</b>	<b>Kỹ thuật đặt</b> .....	95
19.1	Kỹ thuật khác nhau và dụng cụ đặt chỉ .....	95
19.1.1	Cannula dùng 1 lần (Đầu tù/Đầu nhọn) .....	95
19.2	Đặt sợi chỉ sau khi đặt Cannula .....	96
19.3	Neo vào vùng thái dương (dài 41cm) .....	96
19.4	Cách đặt chỉ có kim ở 2 đầu .....	96
<b>20</b>	<b>Cắt chỉ và kết thúc</b> .....	99
20.1	Lấy bỏ Cannula .....	99
20.2	Cắt .....	99
20.2.1	Cắt trong khi kéo chỉ .....	99
20.2.2	Cắt trong khi đẩy da .....	99

**Phần VI: Nhiều kỹ thuật đặt chỉ cho các loại chỉ**

<b>21</b>	<b>Kỹ thuật sử dụng sợi đơn</b> .....	103
21.1	Đặt sợi đơn .....	103
21.2	Sự khác biệt trong thay đổi từ kỹ thuật sợi đơn .....	104
21.3	Giải thích về cơ chế .....	105
21.3.1	Phương pháp kỹ thuật sợi đơn: Đường viền cổ .....	105
21.3.2	Kỹ thuật sợi đơn: Jowl .....	106
21.3.3	Kỹ thuật sợi đơn: Trước má và rãnh mũi - má .....	105
21.3.4	Kỹ thuật sợi đơn: Thái dương .....	105



<b>22</b>	<b>Kỹ thuật sử dụng chỉ gai</b> .....	109
22.1	Chỉ gai một hướng .....	109
22.2	Chỉ mũi nhọn .....	109
22.3	Phương pháp Zigzag .....	110
22.4	Gai hai chiều .....	111
22.4.1	Hiểu về gai hai chiều .....	111
22.4.2	Thực nghiệm về gai hai chiều thực tế .....	111
<b>23</b>	<b>Kỹ thuật cố định vùng thái dương</b> .....	117
23.1	Cơ chế .....	115
23.2	Phương pháp đặt chỉ .....	123
23.2.1	Thiết kế .....	123
23.2.2	Phương pháp gây tê .....	123
23.3	Điểm vào và neo cố định .....	124
23.3.1	Dụng cụ cho điểm vào .....	124
23.3.2	Dụng cụ neo cố định .....	124
23.3.3	Độ sâu và hướng của điểm neo cố định .....	125
23.3.4	Tác dụng phụ: Phòng ngừa và điều trị đau đầu .....	123
23.4	Cannula đầy đủ cho đặt chỉ dài (17G) .....	128
23.4.1	Phương pháp sử dụng kim dẫn bên trong (tù) + vỏ ngoài nhọn (Một cặp) .....	128
23.4.2	Phương pháp sử dụng kim dẫn bên trong (Tù) + vỏ ngoài tù (một cặp) và kim đâm bên trong nhọn.....	128
23.5	Cắt và kết thúc.....	130
23.5.1	Kết thúc (Kéo) .....	130
23.5.2	Cắt.....	130
23.5.3	Thay đổi vùng da xung quanh điểm vào (Lỗ da).....	135
23.5.4	Nếp nhăn quanh mắt và (Biến dạng của da) .....	135
<b>24</b>	<b>Phương pháp đặt chỉ gai 2 chiều Chỉ có kim (Silhouette Soft®)</b> .....	144
24.1	Cơ chế (Khái niệm).....	144
24.1.1	Tác dụng của Silhouette Soft® .....	144
24.1.2	Ưu điểm độc quyền của Silhouette Soft® .....	144
24.2	Đặc điểm.....	145
24.2.1	Kết cấu.....	145
24.2.2	Thành phần .....	145
24.2.3	Chuẩn bị cho kỹ thuật.....	145
24.3	Phương pháp của kỹ thuật .....	146
24.3.1	Thiết kế.....	146
24.3.2	Gây tê.....	146
24.3.3	Điểm vào .....	147
24.3.4	Đặt.....	150
24.3.5	Cắt và kết thúc (Kéo, Kéo chỉ) .....	155



24.4	Các kỹ thuật khác nha. . . . .	159
24.4.1	Kỹ thuật cơ bản 1: Kỹ thuật thẳng..... . . . .	159
24.4.2	Kỹ thuật cơ bản 2: Kỹ thuật góc..... . . . .	159
24.4.3	Kỹ thuật cơ bản 3: Kỹ thuật U. . . . .	161
24.4.4	Kỹ thuật neo cố định sau xương hàm dưới . . . . .	163
24.4.5	Kết hợp khác nhau bằng cách sử dụng hai sợi chỉ . . . . .	165
24.4.6	Nâng chân mày. . . . .	169
24.5	Lời khuyên hữu ích. . . . .	170
<b>25</b>	<b>Cân nhắc để trở thành một chuyên gia nâng chỉ. . . . .</b>	<b>173</b>
25.1	Phì đại cơ thái dương (hoặc dị tật sọ hình tam giác). . . . .	173
25.2	Lõm vào vùng thái dương. . . . .	173
25.3	Xương gò má nhô cao. . . . .	173
25.4	Má lõm . . . . .	174
25.5	Sẹo mổ: Phẫu thuật giảm xương gò má phẫu thuật cằm đôi và phẫu thuật nâng chỉ . . . . .	175
25.6	Hút mỡ..... . . . .	175
25.7	Sẹo mụn..... . . . .	176
25.8	Tiền sử có căng da mặt: Nâng chỉ và HIFU..... . . . .	176

## Phần VII: Kỹ thuật cho từng vùng

<b>26</b>	<b>Trán (Nông mày) . . . . .</b>	<b>181</b>
26.1	Phương pháp cố định đơn giản . . . . .	182
26.2	Phương pháp X-Cross. . . . .	184
26.3	Phương pháp neo cố định. . . . .	184
<b>27</b>	<b>Nếp nhăn quanh mắt . . . . .</b>	<b>186</b>
27.1	Tóm tắt về nâng vùng mắt . . . . .	186
27.1.1	Nâng vùng mắt . . . . .	186
27.2	Giải phẫu vùng mắt. . . . .	186
27.2.1	Giải phẫu học. . . . .	186
27.3	Các kỹ thuật nào có thể được sử dụng ở vùng mắt . . . . .	187
27.3.1	Điều kiện đầu tiên để bóc tách dung dịch Tumescent. . . . .	187
27.3.2	Phương pháp tạo điểm cố định ở vùng mắt..... . . . .	187
27.3.3	Phương pháp khâu buộc hoặc phương pháp đặt chỉ gai đơn giản . . . . .	189
27.3.4	Phương pháp X-Cross . . . . .	189
27.4	Cẩn thận. . . . .	189
<b>28</b>	<b>V-Line (Mặt dưới) . . . . .</b>	<b>191</b>
28.1	Phương pháp neo cố định cân . . . . .	191
28.2	Phương pháp buộc. . . . .	192
28.3	Phương pháp X-Cross . . . . .	193
<b>29</b>	<b>Nếp gấp mũi - má . . . . .</b>	<b>195</b>
29.1	Phương pháp neo cố định. . . . .	195
29.2	Phương pháp cố định với các chỉ gai hai hướng . . . . .	195

<b>30 Đường Má-môi</b> .....	197
30.1 Kỹ thuật góc .....	197
30.2 Kỹ thuật hình dạng L (Kim's Technique) .....	199
30.3 Kỹ thuật neo cố định: Phương pháp kéo phía sau đường hàm .....	199
30.3.1 Thiết kế .....	199
30.4 Phương pháp bổ sung Tornado (chỉ gai xoắn) .....	199
<b>31 Đường hàm (Cằm đôi)</b> .....	202
31.1 Kỹ thuật vòng cổ .....	203
31.1.1 Thiết kế .....	203
31.1.2 Làm một điểm cao .....	203
31.1.3 Đặt chỉ .....	203
31.1.4 Lực kéo và cắt .....	204
31.1.5 Tác dụng phụ: Đau và lõm da .....	204
31.1.6 Lưu ý trong việc lựa chọn bệnh nhân .....	204
31.1.7 Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả của kỹ thuật .....	204
31.2 Phương pháp neo cố định dưới tai (Kỹ thuật thông thường) .....	209
31.3 Phương pháp kết hợp cổ: Đường má-môi .....	209
31.4 Phương pháp buộc hoặc chôn đơn giản .....	209
<b>32 Nếp nhăn cổ</b> .....	212
32.1 Phương pháp làm đầy nếp nhăn .....	212

#### Phần VIII: Đánh giá kết quả kỹ thuật

<b>33 Phương pháp đánh giá kết quả của nâng chỉ</b> .....	215
<b>34 Đánh giá kết quả bằng hệ thống Morpheus®</b> .....	216
34.1 Mô phỏng bằng Morpheus® .....	216
34.1.1 Mô phỏng kết quả .....	216
34.1.2 Đánh giá kết quả .....	216
34.1.3 Giải thích kết quả .....	216
34.2 Đánh giá ảnh trước và sau khi sử dụng Morpheus® .....	218
34.3 Tiềm năng và tương lai của hệ thống Morpheus® .....	218
34.3.1 Sử dụng .....	218
<b>35 Sử dụng Morpheus®</b> .....	223

#### Phần IX: Tác dụng phụ và phương pháp điều trị

<b>36 Không hài lòng</b> .....	226
36.1 Bệnh nhân kỳ vọng không thực tế .....	226
36.2 Những bệnh nhân khó thành công .....	227
36.3 Giới hạn cấu trúc của sản phẩm chỉ nâng .....	227
36.4 Vấn đề kỹ thuật của bác sĩ .....	227



<b>37</b>	<b>Cứng và đau</b> . . . . .	228
37.1	Điểm để xác minh. . . . .	228
37.2	Nguyên nhân của đau . . . . .	228
37.2.1	Nhiễm trùng nghi ngờ . . . . .	228
37.2.2	Kết quả đau do tụ máu. . . . .	228
37.2.3	Chỉ gai treo trong một vùng cụ thể. . . . .	229
37.2.4	Kích thích da bởi đầu của sợi chỉ gai . . . . .	229
37.3	Điều trị theo nguyên nhân đau . . . . .	229
<b>38</b>	<b>Bầm tím và tụ máu</b> . . . . .	230
38.1	Tổn thương của đám rối da do kim. . . . .	230
38.1.1	Phương pháp phòng. . . . .	230
38.2	Chảy máu tại điểm vào . . . . .	230
38.2.1	Phương pháp phòng. . . . .	230
38.3	Chảy máu trên đường đặt Cannula . . . . .	232
38.3.1	Phương pháp phòng. . . . .	232
<b>39</b>	<b>Nếp gấp da</b> . . . . .	234
39.1	Những điều cần kiểm tra thông qua khám . . . . .	234
39.2	Nguyên nhân và giải pháp . . . . .	234
<b>40</b>	<b>Chỉ trời lên khỏi da</b> . . . . .	236
40.1	Trời ra ngoài da. . . . .	237
40.2	Trời trong miệng (Intraoral) . . . . .	238
40.3	Loại chỉ sắp trời ra (sắp xảy ra) . . . . .	239
<b>41</b>	<b>Chỉ di chuyển</b> . . . . .	240
41.1	Loại chỉ không có gai. . . . .	240
41.2	Cắt không chính xác các loại chỉ gai hai hướng. . . . .	241
41.3	Phá vỡ các loại chỉ PDO do đã đặt thời gian lâu . . . . .	242
<b>42</b>	<b>Phòng lên tại điểm vào</b> . . . . .	243
42.1	Vùng hay xảy ra . . . . .	243
42.2	Giải pháp . . . . .	243
42.3	Phòng ngừa . . . . .	243
<b>43</b>	<b>Lỗm da (vết lỗm trên da)</b> . . . . .	245
43.1	Cơ chế hình thành lỗm da . . . . .	245
43.1.1	Độ sâu không hằng định khi đặt chỉ gai . . . . .	247
43.1.2	Lỗm chỗ cắt chỉ. . . . .	248
43.1.3	Khi một số chỉ gai không treo hằng định trong lớp hạ bì. . . . .	248
43.2	Loại lỗm da tùy thuộc vào vùng. . . . .	249
43.2.1	Lỗm da trên đường đi của chỉ. . . . .	249
43.2.2	Ngăn ngừa lỗm da . . . . .	251
43.2.3	Lỗm da tại điểm vào (Kỹ thuật U: Phương pháp neo) . . . . .	252

<b>44</b>	<b>Lõm Má</b> .....	254
44.1	Cấu trúc giải phẫu .....	254
44.2	Tầm quan trọng lâm sàng .....	256
44.3	Cẩn thận .....	256
<b>45</b>	<b>Liệt tạm thời thần kinh mặt</b> .....	258
45.1	Nguyên nhân .....	258
45.2	Đặc tính lâm sàng .....	258
45.3	Giải pháp .....	258
<b>46</b>	<b>Nâng góc mắt ngoài lên cao quá</b> .....	260
46.1	Nguyên nhân .....	260
46.2	Giải pháp .....	259
46.3	Phòng ngừa .....	259
<b>47</b>	<b>Nhiễm trùng</b> .....	262
47.1	Nâng và nhiễm trùng .....	262
47.2	Phòng chống nhiễm trùng .....	262
47.3	Điều trị .....	263
<b>Appendices</b> .....		263
1.1	Appendix 1: Summary .....	263
1.2	Appendix 2: Procedure Records .....	266
Further Readings .....		266

---

## Phần 1

**Tại sao kỹ thuật sửa chữa lại quan trọng ?**

---

## Định nghĩa thuật ngữ

# 1

Điều trị nâng chỉ thành công và hiệu quả phải dựa trên sự hiểu biết thấu đáo về những thay đổi trên khuôn mặt do lão hóa. Ngoài ra, hiểu rõ ý nghĩa rõ ràng của các thuật ngữ khác nhau được sử dụng để giải thích nâng chỉ là cần thiết.

Trong số các nội dung chính được sử dụng trong cuốn sách, các tác giả đã có được một số kinh nghiệm thông qua việc nâng chỉ thực sự. Như vậy, nếu chúng ta bắt đầu mà không làm rõ nghĩa của từ, sự nhầm lẫn hoặc tò mò có thể xảy ra. Theo đó, chúng tôi nghĩ cần phải bắt đầu câu chuyện của mình sau khi làm rõ định nghĩa và ý nghĩa của một số thuật ngữ quan trọng.

---

### 1.1 Điểm cố định

Có ba thuật ngữ quan trọng trong nâng chỉ bằng chỉ tiêu chặm. Điểm thứ nhất là điểm cố định, điểm thứ hai là hướng và điểm thứ ba là điểm treo.

Như đã đề cập ở trên, khái niệm điểm cố định rất quan trọng trong khi thực hiện kỹ thuật nâng chỉ. Các nghiên cứu trước đây về tác dụng của nâng chỉ đã được thực hiện mà không cần neo đúng cách. Điều này cho biết lý do tại sao nâng chỉ kém hiệu quả. Điểm cố định có nghĩa là điểm nhận lực kéo khi một vùng nhất định của khuôn mặt được kéo. Lấy nhảy dây thun để làm ví dụ sẽ giúp hiểu rõ hơn. Với điều kiện là việc nhảy được thực hiện sau khi kết nối chỗ đứng nhảy và cơ thể bằng dây thun, chỗ đứng nhảy buộc vào dây sẽ là điểm cố định.

---

### 1.2 Hướng

Hướng trong kỹ thuật nâng chỉ có nghĩa là vectơ từ điểm treo đến điểm cố định. Hướng phải tồn tại để gọi là lực nâng thực và có thể thực hiện được hình dạng mong muốn. Các kỹ thuật đặt chỉ đơn giản mà không có hướng thì không

tạo ra hình dạng mong muốn, trong khi kỹ thuật nâng chỉ có thể tạo ra hiệu ứng nâng đủ và hình dạng khuôn mặt mong muốn với hướng phù hợp từ điểm treo đến điểm cố định.

### 1.3 Điểm treo

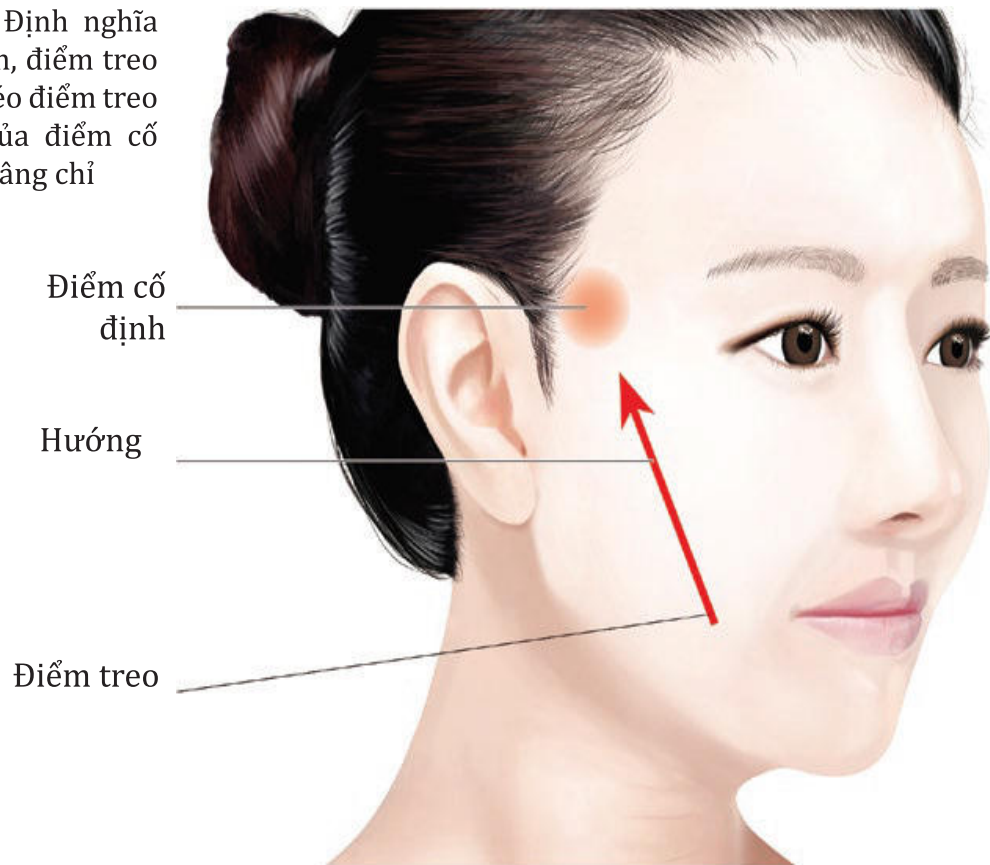
Điểm treo liên quan đến điểm ở cuối của sợi chỉ treo khi chỉ được đặt từ điểm cố định đến hướng của phần mặt được kéo. Trong ví dụ kéo má bị chùng lên trên, điểm treo tồn tại tại điểm giữa điểm cố định và má bị võng được kéo lên (Hình 1.1).

Trong một số trường hợp, điểm treo không hoàn toàn trùng khớp với phần cần nâng (Hình 1.2). Nhưng vẫn có thể nâng được. Điều này là do các mô mặt được liên kết chặt chẽ với nhau bởi các mô xơ trong lớp mỡ dưới da hoặc các dây chằng khác nhau, v.v.

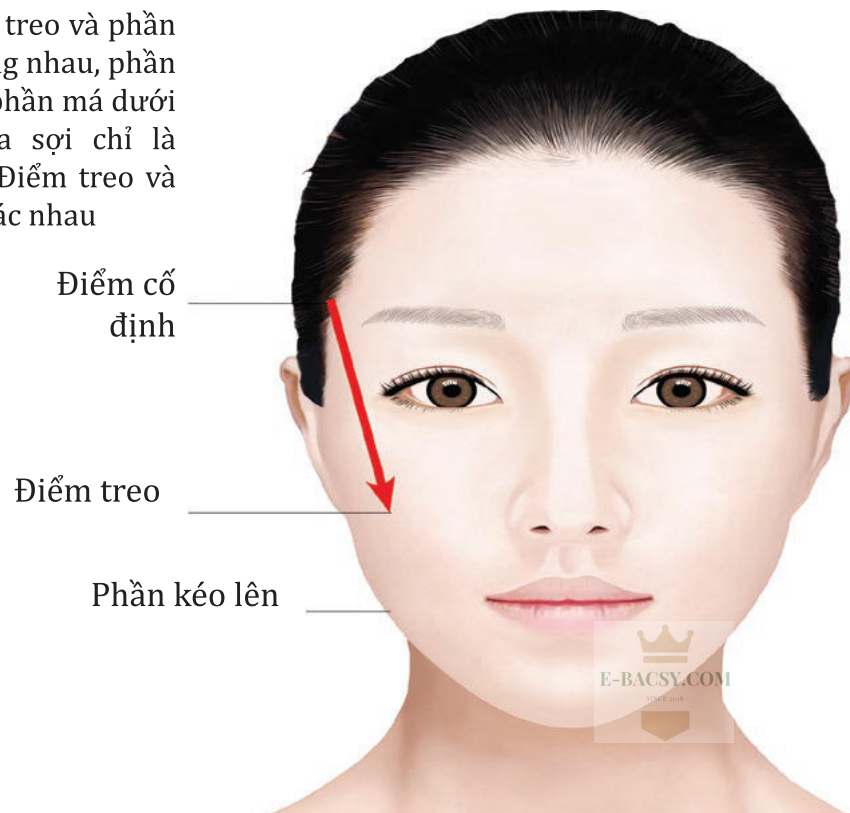
Đặc biệt, một số khu vực trên mặt như vùng dưới xương gò má và mô xơ ở lớp dưới da rất khó khăn và dày đặc. Nếu một sợi được chèn vào các mô xơ như vậy và kéo, kéo các mô dày đặc này sẽ rất là hiệu quả và các mô nằm cách xa điểm treo cũng bị kéo theo. Ví dụ, để nâng phần dưới má theo hướng lên đầu, chỉ không nhất thiết phải được chèn vào vùng dưới má để tạo hiệu ứng nâng.

Tuy nhiên, trong một số bệnh nhân nhất định, chỉ chèn và kéo một sợi chỉ vào mô xơ cứng ở vùng xương dưới gò má có thể mang lại hiệu quả tốt. Do đó, lựa chọn bệnh nhân và lựa chọn kỹ thuật nên xem xét kỹ trước khi tiến hành điều trị.

Hình. 1.1 Định nghĩa điểm cố định, điểm treo và hướng. Kéo điểm treo về hướng của điểm cố định gọi là nâng chỉ



Hình. 1.2 Nếu điểm treo và phần được kéo không trùng nhau, phần thực tế được kéo là phần má dưới hoặc điểm treo của sợi chỉ là xương gò má dưới. Điểm treo và phần được kéo là khác nhau





## Tầm quan trọng của điểm cố định

# 2

Sự khác biệt giữa kỹ thuật nâng chỉ có thể tạo điểm cố định và kỹ thuật nâng chỉ không tạo điểm cố định là người sáng tạo rõ ràng có hướng. Có nhiều kỹ thuật khác nhau làm co da hoặc làm giảm lớp mỡ có thể làm cho khuôn mặt bị kéo căng. Cụ thể, ngay cả khi không có hướng, khuôn mặt có thể được nâng lên và thắt chặt. Điều này có liên quan đến những thay đổi trên khuôn mặt do hậu quả của sự lão hóa.

Khi lão hóa xảy ra, mỗi mặt phẳng của vùng mặt trải qua những thay đổi. Những thay đổi khác nhau như chảy xệ mỡ do trọng lực, kéo dài các mô xơ xung quanh mỡ và kéo căng da, chúng cùng nhau làm cho sự xuất hiện lão hóa của khuôn mặt.

Nếu da bị co lại hoặc lớp mỡ bị giảm, vì chúng có tác dụng thắt chặt các mô tổ chức, chúng được cho là có thể mang lại hiệu quả tương tự như nâng chỉ. Ngoài ra, thông qua các kỹ thuật khác nhau, các mô xơ khác nhau tồn tại trên khuôn mặt có thể ổn định và hình thành tổ chức mới.

Tuy nhiên, điều này được cho là có tác dụng yếu hơn kỹ thuật nâng chỉ có tạo điểm cố định. Khái niệm về điểm cố định đã có từ rất lâu trong quá khứ. Sulamanidze M. et al cho biết các kỹ thuật nâng chỉ bao gồm phương pháp di động và phương pháp cố định. Mendelson và cộng sự. phân loại khuôn mặt: phần trán là di động và phần 2 bên là cố định.

Về vấn đề này, Hyeonho Han và cộng sự cho rằng hiệu suất nâng chỉ với loại cố định ở phần bên của khuôn mặt và loại di động ở phần trán của mặt cho thấy kết quả tốt.

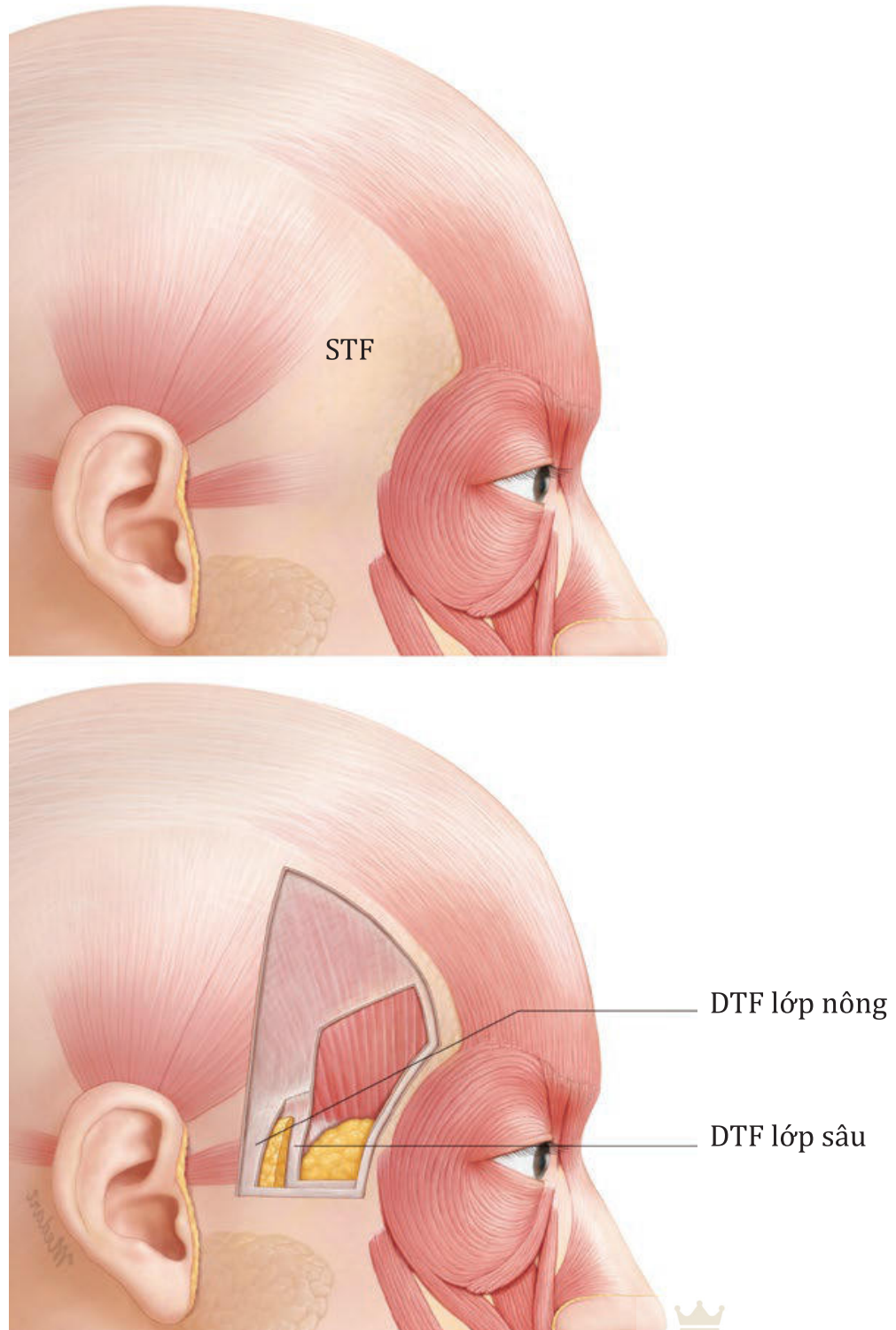
Ở đây, chúng ta bàn về loại cố định có nghĩa là hình thành một điểm cố định vững chắc trên khu vực fascia thái dương. Đây là một đề tài quan trọng để thảo luận về tầm quan trọng của điểm cố định (Hình 2.1).

Để tối ưu hóa hiệu ứng nâng chỉ, thực hiện việc kéo phải theo hướng và phải có điểm cố định vững chắc từ hướng kéo. Điều này là phải có hỗ trợ một lực đối trọng từ sự chuyển động của các mô do lão hóa và do trọng lực.

Mặc dù có một lượng tương đối khác nhau về độ căng, nhưng mỗi kỹ thuật nâng chỉ có các cơ chế tạo điểm cố định hoặc vai trò có chức năng giống như điểm cố định. Trong một số trường hợp, nền tảng đã được phát hiện thông qua thử nghiệm trên động vật, và trong một số trường hợp, nền tảng không được làm rõ. Cố định một sợi chỉ trong vùng fascia thái dương được cho là kỹ thuật vững chắc nhất. Tuy nhiên, kỹ thuật này không dễ dàng và cũng có thể gây chảy máu, thời gian của kỹ thuật thì dài hơn và các tác dụng phụ như tụ máu có thể xảy ra.

Nếu kiến thức có thể giảm thiểu khả năng chảy máu trong khi làm cho điểm cố định trở nên vững chắc và các kỹ năng kỹ thuật được thực hiện rõ ràng, chúng tôi nghĩ rằng nâng chỉ là kỹ thuật khá an toàn và hiệu quả và có thể thực hiện được.

Đây cũng là lý do để nói về điểm cố định đầu tiên trong cuốn sách này. Các tác giả đã thực hiện một số thí nghiệm để hiểu cơ chế nâng chỉ tồn tại trong cơ thể. Chúng sẽ giúp đỡ rất hữu ích trong việc hiểu các cơ chế nâng chỉ.



Hình 2.1 Cân thái dương. Cân thái dương nông và cân thái dương sâu. Cân thái dương sâu có một phần phân chia thành lớp sâu và lớp nông. STF: Superficial Temporal Fascia, DTF: Deep Temporal Fascia

## Hình thành điểm cố định trong kỹ thuật nâng chỉ là gì?

# 3

### 3.1 Phương pháp tạo điểm cố định

Cơ chế của chỉ sợi đơn được sử dụng trong nâng chỉ có thể tiêu đi, thể hệ đầu tiên được thể hiện thông qua điều này (Hình 3.1).

Các bác sĩ dự kiến sẽ tạo hiệu ứng nâng bằng cách chèn thêm các sợi chỉ theo hướng mà muốn kéo khuôn mặt theo hướng mong muốn. Nó sẽ được giải thích trong phần sau của cuốn sách này rằng khi các thành phần có thể hấp thụ, PDO, xâm nhập vào mô, những thay đổi khác nhau xảy ra. Đặc biệt, những thay đổi cơ kéo tổ chức các mô và sự tăng sinh của các mô xơ đã chứng minh ở một mức độ nào đó dựa trên cơ sở lý thuyết cho việc nâng chỉ bằng cách sử dụng chỉ sợi đơn (Yoon JH, et al. Thay đổi mô theo thời gian sau khi chèn sợi đơn polydioxanone: Nghiên cứu trên động vật với lợn. J Cosmet Dermatol. 2018; 00: 1 - 7).

Cơ chế hình thành điểm cố định cũng đa dạng như kiểu nâng chỉ. Về vấn đề này, không có nhiều trường hợp giải thích thỏa đáng các cơ chế như vậy. Ví dụ, họ không thể giải thích chính xác lý do tại sao kỹ thuật nâng chỉ có gai 2 hướng hoặc nâng chỉ sợi đơn gây ra nâng cơ mặt.

Nhưng nâng chỉ rõ ràng là có thể nếu sợi chỉ được treo trong vùng cân tương đối vững chắc, chạy trong lớp mỡ dưới da, và sau đó được kéo lên. Tất nhiên, các cuộc thảo luận về thời gian kéo dài được bao lâu và liệu thực sự sợi chỉ có treo trong fascia không, v.v sẽ được giải quyết sau. Tuy nhiên, kỹ thuật nâng chỉ sử dụng phương pháp treo chỉ trong vùng fascia cứng chắc và kéo lên thì không dễ thực hiện do mức độ khó của nó. Dựa trên xu hướng gần đây, nếu có bất kỳ phương pháp nâng chỉ nào có thể tạo ra một điểm cố định cứng với quy trình ngắn và đơn giản